

Bài 8

LUẬT DÂN SỰ

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ

1. *Khái niệm Luật dân sự*

Là ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật VN, gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh *địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý về cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân; quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cá nhân, pháp nhân* trong các quan hệ được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ

2. Đối tượng điều chỉnh của luật dân sự

Gồm có hai nhóm quan hệ xã hội:

- ☞ *Quan hệ về tài sản*
- ☞ *Quan hệ nhân thân*



KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ

- ☞ ***Quan hệ về tài sản***: quan hệ giữa người với người thông qua một tài sản
- ☞ ***Quan hệ nhân thân***: liên quan đến các giá trị tinh thần của con người

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ

Quan hệ nhân thân không liên quan đến tài sản: họ tên, danh dự, uy tín, nhân phẩm của cá nhân / tổ chức... Đây là những quyền nhân thân **không** thể chuyển giao

Quan hệ nhân thân có liên quan đến tài sản: quyền thừa kế, quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, phát minh, sáng chế... Đây là các quan hệ nhân thân gắn với lợi ích vật chất, **CÓ** thể chuyển giao

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ

3. Phương pháp điều chỉnh của ngành luật dân sự

*Phương pháp độc lập về tài sản,
tự chịu trách nhiệm*

Phương pháp bình đẳng, tự do ý chí

*Phương pháp tự định đoạt,
tự chịu trách nhiệm*

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ

- **Bộ luật Dân sự cũ:** Quốc hội khoá XI thông qua ngày 14/6/2005 (hiệu lực từ 01/01/2006), có 777 điều.
- **Bộ luật Dân sự mới:** Quốc hội khoá XIII thông qua 24/11/2015 (hiệu lực từ 01/01/2017), có 698 điều.



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

1. Chế định về quyền sở hữu

- * Chế định trung tâm của Luật dân sự
- * Quyền năng của chủ sở hữu đối với tài sản theo quy định của pháp luật.
- * Nội dung quyền sở hữu:
 - *Quyền chiếm hữu*
 - *Quyền định đoạt*
 - *Quyền sử dụng*



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

1.1. Chủ thể của quyền sở hữu:

Còn gọi là **chủ sở hữu**, bao gồm: cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác (hộ gia đình, tổ hợp tác...) có đủ ba quyền năng pháp lý là **quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản.**

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

1.2. *Khách thể của quyền sở hữu*: là tài sản, bao gồm:

1. Vật có thực (hiện hữu/ hình thành trong tương lai)
2. Tiền: các loại tiền tệ của các quốc gia
3. Giấy tờ trị giá được bằng tiền: cổ phiếu, trái phiếu, thương phiếu...
4. Các quyền tài sản: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đòi nợ...



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

1.3. Nội dung của quyền sở hữu:

Nội dung của quyền sở hữu là tổng hợp các quyền năng của chủ sở hữu đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của mình, bao gồm:

Quyền chiếm hữu

Quyền sử dụng

Quyền định đoạt tài sản

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Quyền chiếm hữu:

Là quyền của chủ sở hữu tự mình nắm giữ, quản lý, kiểm soát, chi phối tài sản theo ý chí của mình

Quyền chiếm hữu chia thành hai loại:

- ☞ Chiếm hữu hợp pháp
- ☞ Chiếm hữu bất hợp pháp.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

- ➔ **Chiếm hữu hợp pháp:** chiếm hữu có căn cứ pháp luật
 1. Chủ sở hữu chiếm hữu tài sản;
 2. Được chủ sở hữu uỷ quyền quản lý tài sản;
 3. Được chuyển giao quyền chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự phù hợp với quy định của pháp luật;
 4. Người phát hiện và giữ tài sản vô chủ, tài sản không xác định được ai là chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, bị chôn giấu, bị chìm đắm phù hợp với các điều kiện do pháp luật quy định;
 5. Người phát hiện và giữ gia súc, gia cầm, vật nuôi dưới nước bị thất lạc phù hợp với các điều kiện do pháp luật quy định

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Chiếm hữu bất hợp pháp: chiếm hữu không có căn cứ pháp luật.

Chia hai loại:

☞ ***Chiếm hữu bất hợp pháp ngay tình:*** người chiếm hữu không biết và không thể biết việc chiếm hữu tài sản đó là không có căn cứ pháp luật.

☞ ***Chiếm hữu bất hợp pháp không ngay tình:*** người chiếm hữu đã biết / có thể biết mình chiếm hữu tài sản đó là không có căn cứ pháp luật, hoặc chiếm hữu tài sản từ một người không phải là chủ sở hữu tài sản đó.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Quyền sử dụng:

Quyền khai thác công dụng, khai thác những lợi ích vật chất của tài sản trong phạm vi pháp luật cho phép.

- **Hoa lợi:** những sản vật tự nhiên có tính chất hữu cơ do tài sản mang lại như: hoa quả, gia súc sinh ra...
- **Lợi tức:** khoản lợi mà chủ sở hữu thu được từ việc khai thác công dụng của tài sản như: tiền cho thuê nhà, tiền lãi cho vay tài sản, cổ tức, trái tức...



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Quyền định đoạt:

Quyền năng của chủ sở hữu quyết định số phận của tài sản.

+ Định đoạt về số phận thực tế của tài sản: tiêu dùng hết, hủy bỏ...

+ Định đoạt về số phận pháp lý của tài sản: chuyển giao quyền sở hữu



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Trong ba quyền năng trên, mỗi quyền năng có một ý nghĩa nhất định

Quyền chiếm hữu: tiền đề quan trọng cho hai quyền kia;

Quyền sử dụng mang ý nghĩa thực tiễn, ý nghĩa kinh tế, tạo cho chủ sở hữu khai thác công dụng của tài sản;

Quyền định đoạt: có ý nghĩa pháp lý quan trọng đối với chủ sở hữu



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

2. Hợp đồng dân sự

2.1. *Khái niệm:*

Hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

👉 Nguyên tắc giao kết hợp đồng dân sự:

Hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, trung thực, thiện chí, không bên nào được ép buộc, đe dọa, lừa dối bên nào trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng.

Được tự do giao kết hợp đồng nhưng không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

2.2. Chủ thể của hợp đồng dân sự:

CÁ NHÂN (THẺ NHÂN)

PHÁP NHÂN

HỘ GIA ĐÌNH

TỔ HỢP TÁC

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

○ CÁ NHÂN

Cá nhân đủ 18 tuổi trở lên: có đầy đủ năng lực hành vi dân sự được phép tham gia tất cả các hợp đồng dân sự và tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện hợp đồng đó

Cá nhân đủ 15 đến dưới 18 tuổi được ký kết một số hợp đồng nếu mình có tài sản để thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, nhưng phải được sự đồng ý của người giám hộ

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ 2015

- **PHÁP NHÂN (Điều 74)**

Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ 4 điều kiện sau đây:

1. Được thành lập hợp pháp;
2. Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ;
3. Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó;
4. Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

○ HỘ GIA ĐÌNH

Các thành viên có tài sản chung, cùng đóng góp công sức để hoạt động trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hoặc sản xuất, kinh doanh

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

• TỔ HỢP TÁC

Tổ hợp tác - hợp đồng hợp tác có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã của từ **3 cá nhân** trở lên, cùng đóng góp tài sản, công sức để SX, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm là chủ thể trong các quan hệ dân sự.

Đại diện tổ hợp tác trong giao dịch dân sự là **tổ trưởng** do tổ viên cử ra.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

2.3. Các hình thức giao dịch dân sự

1. Giao dịch dân sự được thể hiện bằng *lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể*.

Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu được coi là giao dịch bằng văn bản.

2. Trong trường hợp pháp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản, phải có công chứng / chứng thực, phải đăng ký hoặc xin phép thì phải tuân theo các quy định đó.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

2.4. Nội dung của hợp đồng dân sự:

- Đối tượng của hợp đồng;
- Số lượng, chất lượng;
- Giá, phương thức thanh toán;
- Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng;
- Quyền, nghĩa vụ của các bên;
- Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;
- Phương thức giải quyết tranh chấp.



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

2.5. *Các loại hợp đồng dân sự:*

Hợp đồng mua bán tài sản; Hợp đồng mua bán nhà ở; Hợp đồng trao đổi tài sản; Hợp đồng tặng cho tài sản; Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng thuê tài sản, nhà ở; Hợp đồng thuê khoán tài sản; Hợp đồng cho mượn tài sản; Hợp đồng dịch vụ; Hợp đồng vận chuyển tài sản, hành khách; Hợp đồng gia công



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

2.6. Trách nhiệm dân sự do vi phạm hợp đồng

Là trách nhiệm của bên vi phạm hợp đồng đối với chủ thể bên kia. Bên vi phạm phải tiếp tục thực hiện hợp đồng hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi không chấp hành hợp đồng mà gây thiệt hại cho bên kia.



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

3. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Điều 604, Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “*Người nào do có lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý xâm hại tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường*”.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

☞ Căn cứ phát sinh trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng

- 1. Có thiệt hại thực tế xảy ra:*
- 2. Hành vi gây ra thiệt hại phải là hành vi trái pháp luật*
- 3. Có lỗi của người thực hiện hành vi trái pháp luật*
- 4. Phải có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại xảy ra*



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

4. Chế định về quyền thừa kế

4.1. *Khái niệm quyền thừa kế*

Quyền thừa kế là một chế định pháp luật dân sự, bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh việc chuyển dịch tài sản của người chết cho người khác theo di chúc hoặc theo trình tự do *pháp luật* quy định.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

4.2. Các hình thức thừa kế

**THỪA KẾ THEO
DI CHỨC**

**THỪA KẾ THEO
PHÁP LUẬT**



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

THỪA KẾ THEO DI CHỨC

Là việc chuyển dịch di sản thừa kế của người đã chết cho những người khác theo ý chí của người đó khi còn sống thể hiện trong di chúc.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Quyền của người lập di chúc:

1. Chỉ định người thừa kế; truất quyền hưởng di sản của người thừa kế;
2. Phân định phần di sản cho từng người thừa kế;
3. Dành một phần tài sản trong khối di sản để di tặng, thờ cúng;
4. Giao nghĩa vụ cho người thừa kế;
5. Chỉ định người giữ di chúc, người quản lý di sản, người phân chia di sản.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Di chúc phải được lập thành văn bản; nếu không thể lập được di chúc bằng văn bản thì có thể di chúc miệng.

Di chúc bằng văn bản bao gồm:

1. Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng;
2. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng;
3. Di chúc bằng văn bản có công chứng;
4. Di chúc bằng văn bản có chứng thực.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Những người được thừa kế theo di chúc là bất kỳ cá nhân, tổ chức hay nhà nước có tên trong di chúc và họ phải còn sống, còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế. Kể cả trường hợp đã thành thai trước khi người để lại di sản chết và sinh ra còn sống sau thời điểm mở thừa kế (ngoại trừ những người bị truất quyền hưởng di sản thừa kế).



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Di chúc miệng

1. Trong trường hợp tính mạng một người bị cái chết đe dọa do bệnh tật hoặc các nguyên nhân khác mà không thể lập di chúc bằng văn bản thì có thể di chúc miệng.
2. Sau ba tháng, kể từ thời điểm di chúc miệng mà người di chúc còn sống, minh mẫn, sáng suốt thì di chúc miệng mặc nhiên bị huỷ bỏ.



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản ***chết***.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

* Người thừa kế **không** phụ thuộc di chúc:

Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng;
con đã thành niên nhưng không có khả năng lao động vẫn được hưởng phần di sản bằng **2/3 suất** của một người thừa kế theo pháp luật, nếu di sản được phân chia theo pháp luật, trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn 2/3 suất đó trừ khi họ từ chối / là người không có quyền được hưởng di sản



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT

Là việc chuyển dịch tài sản của người chết cho những người thừa kế thực hiện theo trình tự mà pháp luật đã quy định.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

1. Thừa kế theo pháp luật được áp dụng trong những trường hợp sau đây:
 - a) Không có di chúc;
 - b) Di chúc không hợp pháp;
 - c) Những người thừa kế theo di chúc đều chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc; cơ quan, tổ chức được hưởng thừa kế theo di chúc không còn vào thời điểm mở thừa kế;
 - d) Những người được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc mà không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối quyền nhận di sản.



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Người thừa kế theo pháp luật

- a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;
- b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Người thừa kế theo pháp luật

c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại



II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Người thừa kế theo pháp luật

2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.
3. Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Thừa kế thế vị

Trong trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ

Những người không được quyền hưởng di sản (Điều 643, Bộ luật Dân sự 2015):

- * Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc có hành vi ngược đãi, hành hạ, xâm phạm danh dự, nhân phẩm người để lại di sản.
- * Người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản.
- * Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng của người thừa kế khác nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ phần di sản mà người thừa kế đó được hưởng.
- * Người có hành vi lừa dối, cưỡng ép hoặc ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc; giả mạo di chúc, sửa chữa di chúc, hủy di chúc nhằm để hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại di sản.
- * Tuy nhiên, những người đã nêu trên vẫn được hưởng di sản nếu người để lại di sản đã biết hành vi của người đó, nhưng vẫn cho họ hưởng di sản theo di chúc./.



CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1) Trình bày đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự?
- 2) Phân tích nội dung quyền sở hữu?
- 3) Trình bày nội dung chế định quyền thừa kế?